

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/KDTM-ST

Ngày: 20/9/2017

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hải.

2. Ông Nào Thiên Minh Trí.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Vũ Thị Hồng, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tham gia phiên tòa: Bà Từ Nữ Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2017/TLST-KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT. Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268 N, Phường 08, Quận 03, Thành phố Hồ Chí Minh; *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc; *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Đào Thị Đoan T – Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT tại Ninh Thuận (Văn bản ủy quyền ngày 7/8/2017); bà Đào Thị Đoan T ủy quyền cho ông Thái Cao H – Phó Giám đốc chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT tại Ninh Thuận tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền 10/8/2017) (*Có mặt*).

2/ *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, Sinh năm 1969; Địa chỉ: L 01, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (*Vắng mặt*).

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị C, Sinh năm 1935; anh Trương Văn X, sinh năm 1985; Cùng địa chỉ: L 01, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/6/2017; đơn thay đổi đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Thái Cao H trình bày yêu cầu:

Ngày 11/06/2015 vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Trương Văn N có ký hợp đồng tín dụng từng lần số LD1516200228, với Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT chi nhánh Ninh Thuận (*Viết tắt là Ngân hàng*) vay số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), để bổ sung vốn kinh doanh thu mua hải sản; thời hạn vay là 12 tháng, gốc lãi trả hàng tháng; thời điểm trả hết nợ là ngày 11/6/2016. Để đảm bảo cho khoản tiền vay bà L, ông N đã thế chấp toàn bộ đất và tài sản gắn liền trên thửa đất số 53, tờ bản đồ số 28a, có diện tích 144 m²; tọa lạc tại thôn L 01, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BP256640 do UBND huyện T cấp ngày 19/6/2013 cho hộ bà Nguyễn Thị L. Quá trình vay tiền, bà L và ông N đều trả lãi cho Ngân hàng đầy đủ. Nhưng ngày 20/5/2016 âm lịch ông N bị bệnh chết. Đến ngày 11/6/2016 bà L ký thỏa thuận sửa đổi, bổ sung và ký hợp đồng tín dụng số 01/TTSD/LD1516200228 với Ngân hàng để được tái tục vay số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*); thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 10%/năm; gốc lãi trả hàng tháng; thời điểm trả hết nợ là ngày 11/6/2017. Để đảm bảo cho khoản tiền vay, bà L vẫn thế chấp toàn bộ đất và tài sản gắn liền trên thửa đất số 53, tờ bản đồ số 28a nêu trên. Tuy nhiên từ ngày giải ngân đầu tiên (*Ngày 11/6/2016*) đến nay bà L không thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi 6.281.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 11/6/2017 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôn nay (*Ngày 20/9/2017*) bà L còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 50.000.000đ, số tiền lãi là 6.281.000đ; trong đó lãi trong hạn là 4.161.000đ; lãi quá hạn là 2.120.000đ; tổng cộng là 56.281.000đ. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp với bà L, yêu cầu thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà L vẫn chưa thanh toán các khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các qui định tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp, Ngân hàng khởi kiện bà L đề nghị Tòa án buộc bà L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 56.281.000đ và lãi phát sinh kể từ ngày 21/9/2017 theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi Thi hành án xong. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày tại “Biên bản lấy lời khai” ngày 04/8/2017; “Đơn xin vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng của Tòa án” ngày 10/8/2017 như sau:

Bà đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam thông báo về việc thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa ... nên biết Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT chi nhánh Ninh Thuận khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền đã vay, nhưng bà bận phải làm thuê kiếm sống để nuôi gia đình nên không đến Tòa án và xin được vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng của Tòa án.

Bà đồng ý với những yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Bà không trả được nợ gốc 50.000.000đ và lãi vay cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký là vì chồng bà ông Trương Văn N bị bệnh chết, nên hoàn cảnh gia đình rất khó khăn. Bà phải đi làm thuê, mẹ chồng – bà Huỳnh Thị C hiện đã già yếu, con trai là Trương Văn X bị liệt tay trái, sức khỏe yếu nên không làm được việc, cháu nội là Trương Văn N còn nhỏ không ai nuôi.

Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 28a, có diện tích 144 m² vợ chồng bà thế chế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho khoản tiền vay có nguồn gốc là của ông bà, cha mẹ ông N để lại cho vợ chồng bà. Năm 2013 vợ chồng bà đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*Viết tắt là GCNQSDĐ*) và đến ngày 19/6/2013 thì được cấp GCNQSDĐ đứng tên chủ hộ. Bà khẳng định thời điểm cấp GCNQSDĐ trong sổ hộ khẩu của gia đình bà có tên 06 người là: bà Huỳnh Thị C, ông Trương Văn N, bà, Trương Văn X, Trương Văn P – sinh năm 1987 và Trương Văn Nam – sinh năm 2006. Nhưng thửa đất trên không liên quan đến Trương Văn P và Trương Văn N vì P là cháu họ chồng bà, hiện đã có gia đình riêng và tách khẩu riêng, N là con của X nên cả hai không có quyền lợi gì liên quan đến thửa đất trên. Số tiền vay từ Ngân hàng vợ chồng bà giữ làm vốn buôn bán, không liên quan đến mẹ chồng bà là bà Huỳnh Thị C và con trai bà là Trương Văn X. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, có chữ ký và sự đồng ý của mẹ chồng và con trai bà là do GCNQSDĐ được cấp đứng tên hộ mà thời điểm cấp có tên của hai người này nên Ngân hàng và Văn phòng công chứng yêu cầu phải có chữ ký và sự đồng ý của tất cả các thành viên có trong hộ mới đủ điều kiện thế chấp để phù hợp pháp luật. Nay chồng bà đã chết, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả gốc và lãi thì bà đồng ý một mình bà có trách nhiệm trả nhưng đề nghị được trả từ từ, mỗi tháng một ít. Đối với yêu cầu của Ngân hàng đề nghị tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên để đảm bảo cho việc thi hành án thì bà đồng ý, không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị C trình bày tại “Biên bản lấy lời khai” ngày 18/8/2017; “Đơn xin vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng của Tòa án” ngày 18/8/2017 như sau:

Bà đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam và được cán bộ Tòa án xuống nhà làm việc nên biết việc Ngân hàng khởi

kiện con dâu bà là Nguyễn Thị L yêu cầu trả số tiền đã vay và đề nghị tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất để đảm bảo cho việc thi hành án. Tuy nhiên hiện bà đã quá già yếu nên không thể đến Tòa án và xin được vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng của Tòa án.

Ông Trương Văn N con bà bệnh chết tháng 4 năm 2016. Bà Nguyễn Thị L là con dâu của bà, còn Trương Văn X là cháu nội. Bà chỉ nhớ cách đây khoảng 02 đến 03 năm vợ chồng con trai bà có vay của Ngân hàng nào đó số tiền 50.000.000đ để lấy vốn kinh doanh thu mua hải sản. Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 28a, có diện tích 144 m² có nguồn gốc là của vợ chồng bà, đã cho vợ chồng N, L. Khi được cấp GCNQSDĐ đứng tên hộ Nguyễn Thị L; thời điểm cấp GCNQSDĐ trong sổ hộ khẩu của gia đình có tên 06 người là: bà, con bà vợ chồng N, L; cháu nội Trương Văn X; Trương Văn P là cháu họ; Trương Văn N cháu cô. Thửa đất không liên quan đến Trương Văn P; Trương Văn N. Số tiền vợ chồng con bà vay Ngân hàng, không liên quan đến bà. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất với Ngân hàng có chữ ký và sự đồng ý của bà; Trương Văn X là do GCNQSDĐ được cấp hộ Nguyễn Thị L, nên Ngân hàng yêu cầu bà và X ký mới đủ điều kiện thế chấp để phù hợp pháp luật. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu L trả tiền đã vay, bà mong được xem xét đến hoàn cảnh L một mình phải đi làm thuê để nuôi cả gia đình. Đối với đề nghị tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, để đảm bảo cho việc thi hành án của Ngân hàng bà đồng ý, không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trương Văn X trình bày tại “Biên bản lấy lời khai” ngày 18/8/2017; “Đơn xin vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng của Tòa án” ngày 18/8/2017:

Thừa nhận đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam; biết việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu mẹ là bà Nguyễn Thị L trả số tiền đã vay và đề nghị tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất để đảm bảo cho việc thi hành án. Hoàn toàn đồng ý với các yêu cầu của Ngân hàng. Tuy nhiên hiện bị liệt tay trái, sức khỏe yếu, đi lại khó khăn nên không thể đến Tòa án và xin được vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng của Tòa án.

Ý kiến của anh Trương Văn X hoàn toàn thống nhất với lời khai bà Nguyễn Thị L; bà Huỳnh Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc, lãi theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung tại hợp đồng tín dụng số 01/TTSD/LD1516200228. Xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật

tổ tụng dân sự (*Viết tắt là BLTTDS*) thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- *Sự vắng mặt của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Thị C và anh Trương Văn X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định tại điều 175, 177 BLTTDS nhưng vẫn không đến Tòa án và có ý kiến xin được vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng của Tòa án. Căn cứ khoản 1 điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L, bà C và anh X là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT đòi bị đơn bà L phải thanh toán số tiền 56.281.000đ, trong đó 50.000.000đ tiền gốc và 6.281.000đ tiền lãi (lãi trong hạn là 4.161.000đ; lãi quá hạn là 2.120.000đ), phát sinh từ Hợp đồng LD1516200228 ngày 11/6/2015; số 01/TTSD/LD1516200228 ngày 11/6/2016 đã ký kết giữa hai bên Hội đồng xét xử nhận thấy: Các Hợp đồng tín dụng được lập và ký kết đúng theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng; Bộ luật dân sự . Bà L cũng có lời khai thừa nhận có vay của Ngân hàng số tiền gốc 50.000.000đ nhưng đến nay chưa trả được; nay đồng ý không phản đối toàn bộ yêu cầu trả gốc và lãi kể trên của Ngân hàng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Ngân hàng không phải chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Xét yêu cầu của Ngân hàng tiếp tục tính lãi xuất nợ quá hạn tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết, đối với số tiền nợ gốc kể từ ngày 21/9/2017 cho đến khi Thi hành án xong, là có cơ sở chấp nhận. Vì thỏa thuận ký kết giữa bên kể cả lãi xuất nợ quá hạn, đều phù hợp quy định pháp luật tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 nên được ưu tiên áp dụng, mà không thuộc trường hợp áp dụng lãi trung hạn tại Điều 306 Luật Thương mại.

Xét yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên để đảm bảo cho việc thi hành án của Ngân hàng, nhận thấy: Khi vay tiền của Ngân hàng (Vay lần đầu vào ngày 11/6/2015) vợ chồng ông N, bà L, bà C, anh X có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 814/TC15 ngày 12/6/2015 với Ngân hàng để thế chấp thửa đất số 53, tờ bản đồ số 28a, có diện tích 144 m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BP256640 do UBND huyện Thuận Nam cấp ngày 19/6/2013 cho hộ bà Nguyễn Thị L và đến sau này khi thỏa thuận sửa đổi, bổ sung và ký hợp đồng tín dụng số 01/TTSD/LD1516200228 ngày 11/6/2016 (*Thời điểm này ông Năm đã chết*) các bên vẫn thống nhất thế chấp thửa đất trên để đảm bảo cho khoản tiền đã vay. Việc các bên ký kết hợp đồng thế chấp nêu trên là đúng theo quy định tại các Điều 500, 501, 502 Bộ luật dân sự 2015, điều 59 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Quá trình giải quyết vụ án phía Ngân hàng và bà L, bà C, anh X đều đồng ý tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp này. Căn cứ quy định tại Điều 5

Bộ luật tố tụng dân sự, xét đây là thỏa thuận tự nguyện, thiện chí, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận của các bên đương sự về việc tiếp tục duy trì hợp thể chấp tài sản số 814/TC15 ngày 12/6/2015 giữa ông N, bà L, bà C, anh X với Ngân hàng để đảm bảo thi hành án dân sự.

[3]. *Về án phí sơ thẩm*: Ngân hàng yêu cầu bà L trả 56.281.000đ (Năm mươi sáu triệu hai trăm tám mươi một nghìn đồng); được Tòa án chấp nhận toàn bộ, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, phía bị đơn là bà L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 2.814.000đ (làm tròn).

Xét đơn xin miễn giảm án phí ngày 10/8/2017 của bà L, có địa phương xác nhận hiện nay bà L không có tài sản gì để nộp án phí. Căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, giảm 50% án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho bà L; số tiền án phí bà L còn phải chịu là 1.407.000đ.

Ngân hàng không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp.

[4]. *Ý kiến của kiểm sát viên*: Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Những người tiến hành tố tụng; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án; bị đơn không chấp hành không đến Tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí và chi phí tố tụng dân sự giải quyết theo quy định pháp luật.

Từ các chứng cứ đã phân tích, xét thấy đề nghị của kiểm sát viên là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 474, 476 500, 501, 502 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 306 Luật thương mại; các Điều 5, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT chi nhánh Ninh Thuận số tiền nợ gốc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn), số tiền lãi 6.281.000đ (Sáu triệu hai trăm tám mươi một nghìn đồng chẵn; tổng cộng 56.281.000đ (Năm mươi sáu triệu hai trăm tám mươi một nghìn đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà *các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này*” (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

2. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số 814/TC15 ngày 12/6/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT chi nhánh Ninh Thuận với bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L, giảm 50% nghĩa vụ chịu án phí; bà L còn phải chịu là 1.407.000đ (*Một triệu bốn trăm linh bảy nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010981 ngày 12/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THA dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn (*Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng*) có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKS huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:
(đã ký)

Đỗ Thị Hòa
